

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 12-7-2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tài

Bà Phan Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Thành - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy L**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 8A, xã L, huyện B, tỉnh L. *Có mặt.*

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 8A, xã L, huyện B, tỉnh L. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 của anh Nguyễn Duy L và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: trước khi kết hôn anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh K tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 08 tháng, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh P vào ngày 01/8/2007. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cải vã, không có tiếng nói chung. Từ năm 2021 đến nay phần ai người đó sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Duy L xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh K.

- Về con chung: trong thời gian sống chung anh L và chị K có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012. Hiện nay các con chung do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: trong quá trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian sống chung anh L và chị K không có nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh K trình bày: thống nhất như anh L trình bày nêu trên nhưng về con chung chị K có nguyện vọng được nhận nuôi con chung là Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 09/5/2022 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh L và chị K được ly hôn; về con chung: đề nghị giao con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/9/2008 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh L và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét; về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: nguyên đơn anh Nguyễn Duy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh K nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh K tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh P vào ngày

01/8/2007. Việc kết hôn và sống chung là tự nguyện nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh L và chị K thừa nhận trong thời gian sống chung giữa anh L và chị K đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2021 đến nay phần ai người đó sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn sống chung với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên thuận tình ly hôn. Xét thấy anh L và chị K thuận tình ly hôn là tự nguyện nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh K là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: anh L và chị K có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012. Ly hôn anh Nguyễn Duy L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh K cấp dưỡng nuôi con chung; chị K cũng có nguyện vọng được nhận nuôi con chung là Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy anh L và chị K đều có yêu cầu được nuôi con chung, đây là yêu cầu chính đáng của cha mẹ cần ghi nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh L thừa nhận từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, các con chung do chị gái của anh L là Nguyễn Thị Ngọc Huyền trực tiếp nuôi dưỡng. Khi chị K đến thăm con thì có lần chị Huyền ngăn cản không cho thăm nom. Hơn nữa, hiện nay cháu Vân đang ở lứa tuổi dậy thì cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Hoàng N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung là Nguyễn Thái Thanh V cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L và chị K không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh L và chị K đều trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: anh L xin ly hôn và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn anh Nguyễn Duy L đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh K.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Thanh K.

Về con chung: giao con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 23/9/2008 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Thái Thanh V, sinh ngày 12/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L và chị K không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: anh Nguyễn Duy L tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004333 ngày 07/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: án xử công khai, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H, huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên